

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12 – 4 – 2024
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình
ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Hoàng.
- Ông Phan Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Phụng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Nhân là Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Hồng T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số F, ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Hồng T: Anh Trần Thanh H, sinh năm 1997. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo uỷ quyền (Hợp đồng uỷ quyền ngày 25/01/2024).

- Bị đơn: Đào Thị C, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số F, ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Nguyễn Hồng T có đơn xin vắng mặt, chị Đào Thị C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hồng T và chị Đào Thị Cam kết hôn năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 25/7/2017. Hôn nhân giữa anh T và chị C được xây dựng trên cơ sở tự tình cảm và kết hôn.

Trong khoảng thời gian sống chung, vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn chính xuất phát từ việc chị C nhiều lần yêu cầu anh T phải về quê của chị C để sinh sống. Anh T không đồng ý, sau đó chị C tự ý bỏ đi, anh T và gia đình không ai hay biết. Anh T có tìm đến nhà nhiều lần để nói chuyện và yêu cầu chị C quay về nhưng không được. Anh T và chị C bắt đầu ly thân từ năm 2022 đến nay. Khoảng thời gian sống ly thân anh T và chị C có hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Nay anh Nguyễn Hồng T yêu cầu ly hôn với chị Đào Thị C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh T và chị C có 02 con chung tên Nguyễn Đào Anh T1, sinh ngày 22/12/2017 và Nguyễn Đào Anh N, sinh ngày 09/11/2019. Sau khi ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không yêu cầu chị Đào Thị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Đào Thị C không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hồng T. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hồng T được ly hôn với chị Đào Thị C. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đào Anh T1, sinh ngày 22/12/2017 và Nguyễn Đào Anh N, sinh ngày 09/11/2019 cho anh Nguyễn Hồng T được tiếp tục nuôi dưỡng, chị Đào Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện (Bản chính); Hợp đồng uỷ quyền ngày 25/01/2024 (Bản chính); Trích lục khai sinh Nguyễn Đào Anh T1 (Bản sao); Trích lục khai sinh Nguyễn Đào Anh N (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Căn cước công dân của anh Nguyễn Hồng T (Chứng thực bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hồng T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Đào Thị C cư trú tại ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Hồng T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Đào Thị C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị C theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hồng T yêu cầu ly hôn với chị Đào Thị C.

Xét thấy, anh T và chị Cam kết h năm 2016, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 25/7/2017, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, xuất phát từ việc chị C nhiều lần yêu cầu anh T phải về quê của chị C để sinh sống. Anh T không đồng ý, sau đó chị C tự ý bỏ đi, anh T và gia đình không ai hay biết. Anh T có tìm đến nhà nhiều lần để nói chuyện và yêu cầu chị C quay về nhưng không được. Ngoài ra, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2022 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hơn nữa, anh T xác định, anh và chị C không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa anh T và chị C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, anh Nguyễn Hồng T yêu cầu ly hôn với chị Đào Thị C là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn Hồng T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Đào Anh T1, sinh ngày 22/02/2017 và Nguyễn Đào Anh T2, sinh ngày

09/11/2019.

Xét thấy, hiện nay anh **T** đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là **Nguyễn Đào Anh T1** và **Nguyễn Đào Anh T2**. Ngoài ra, anh **T** xác định, anh **T** có việc làm ổn định, có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi con. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống, để đảm bảo cho cháu **T1** và **T2** phát triển toàn diện cả vật chất lẫn tinh thần cần giao cháu **Nguyễn Đào Anh T1** và **Nguyễn Đào Anh T2** cho anh **T** được tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy, việc anh **T** yêu cầu nuôi con chung tên **Nguyễn Đào Anh T1**, sinh ngày 22/02/2017 và **Nguyễn Đào Anh T2**, sinh ngày 09/11/2019 là có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh **Nguyễn Hồng T** không yêu cầu chị **Đào Thị C** cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh **Nguyễn Hồng T** xác định là không có, không yêu cầu giải quyết. Chị **Đào Thị C** không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh **Nguyễn Hồng T** phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Hồng T**.

- *Về hôn nhân:* Anh **Nguyễn Hồng T** được ly hôn với chị **Đào Thị C**.

- *Về con chung:* Giao con chung tên **Nguyễn Đào Anh T1**, sinh ngày 22/02/2017 và **Nguyễn Đào Anh T2**, sinh ngày 09/11/2019 cho anh **Nguyễn Hồng T** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu **T1** và cháu **T2** trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị **Đào Thị C** không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh **Nguyễn Hồng T** không yêu cầu.

Anh **T** và chị **C** được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Anh **Nguyễn Hồng T** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0006329 ngày 01/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Anh **Nguyễn Hồng T** đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị **Đào Thị C** không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Mỹ, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Trung